

Chi tiết mã HS 9617.00.10

Mã HS	9617.00.10
Mô tả hàng hóa	Phích chân không và các loại bình chân không khác, hoàn chỉnh; bộ phận của chúng trừ ruột thủy tinh / - Phích chân không và các loại bình chân không khác, hoàn chỉnh
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 06:02:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/96170010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	45	45%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18986
Thuế NK ưu đãi (MFN)	30	30%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18986
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18986
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	21	21%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục D)	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AJCEP	35	35%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	35	35%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18259
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18188
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18188
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18188
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18188
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18188
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18188
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	35	AJ!E18244
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	35	AJ!F18244
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	35	AJ!G18244

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	35	AJ!H18244
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	35	AJ!I18244
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	35	AJ!J18244
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	35	VJ!E18245
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	35	VJ!F18245
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	35	VJ!G18245
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	35	VJ!H18245
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	35	VJ!I18245
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	35	VJ!J18245
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F18250
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18207
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F18202
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G18202
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H18202
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I18202
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J18202
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K18202
VKFTA	2022	2022	5	VK!E18250
VKFTA	2023	2023	5	VK!F18250
VKFTA	2024	2024	5	VK!G18250
VKFTA	2025	2025	5	VK!H18250
VKFTA	2026	2026	5	VK!I18250
VKFTA	2027	2027	5	VK!J18250
VCFTA	2022	2022	6	VC!D18314
VCFTA	2023	2023	3	VC!E18314
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18314

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18314
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18314
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18314
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18288
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18288
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18288
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18288
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18288
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18288
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D18281
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E18281
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F18281
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G18281
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H18281
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I18281
EVFTA	2022	2022	7,5	EV-NK!D18311
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18311
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18311
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18311
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18311
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18311
UKVFTA	2022	2022	7,5	UKV!D18310
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18310
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18310
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18310
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18310

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18310
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18404
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18404
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18404
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18404
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18404
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18404
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18404
RCEP A	2022	2022	28	RCEPT-A!D18275
RCEP A	2023	2023	26	RCEPT-A!E18275
RCEP A	2024	2024	24	RCEPT-A!F18275
RCEP A	2025	2025	22	RCEPT-A!G18275
RCEP A	2026	2026	20	RCEPT-A!H18275
RCEP A	2027	2027	18	RCEPT-A!I18275
RCEP B	2022	2022	28	B!D18275
RCEP B	2023	2023	26	B!E18275
RCEP B	2024	2024	24	B!F18275
RCEP B	2025	2025	22	B!G18275
RCEP B	2026	2026	20	B!H18275
RCEP B	2027	2027	18	B!I18275
RCEP C	2022	2022	30	C!D18273
RCEP C	2023	2023	30	C!E18273
RCEP C	2024	2024	30	C!F18273
RCEP C	2025	2025	30	C!G18273
RCEP C	2026	2026	30	C!H18273
RCEP C	2027	2027	30	C!I18273

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	30	D!D18272
RCEP D	2023	2023	30	D!E18272
RCEP D	2024	2024	30	D!F18272
RCEP D	2025	2025	30	D!G18272
RCEP D	2026	2026	30	D!H18272
RCEP D	2027	2027	30	D!I18272
RCEP E	2022	2022	30	E!D18277
RCEP E	2023	2023	30	E!E18277
RCEP E	2024	2024	30	E!F18277
RCEP E	2025	2025	30	E!G18277
RCEP E	2026	2026	30	E!H18277
RCEP E	2027	2027	30	E!I18277
RCEP F	2022	2022	28	F!D18275
RCEP F	2023	2023	26	F!E18275
RCEP F	2024	2024	24	F!F18275
RCEP F	2025	2025	22	F!G18275
RCEP F	2026	2026	20	F!H18275
RCEP F	2027	2027	18	F!I18275
VIFTA	2024	2024	27	VI!F17128
VIFTA	2025	2025	24	VI!G17128
VIFTA	2026	2026	21	VI!H17128
VIFTA	2027	2027	18	VI!I17128

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục C) 30%, RCEP (Phụ lục D) 30%, RCEP (Phụ lục E) 30%, AJCEP 35%, VJEPa 35%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (30%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 30%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9617.00 có 2 dòng thuế; dòng 9617.00.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Phích chân không và các loại bình chân không khác, hoàn chỉnh.	9617.00.20 Các bộ phận, trừ ruột thủy tinh	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9617.00.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 30% của mã 9617.00.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18986), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)

HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.